| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 02 năm 2023
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

Bà: Nguyễn Kim Lên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Nga Muội - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 2 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Nguyễn Văn C**,** sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2022, nguyên đơn Nguyễn Tuyết H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào năm 1995 hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung hiện nay các cháu trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn C:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến

hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử nhưng ông C có đơn xin vắng mặt ông đồng ý ly hôn với bà H, tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có nơi trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn C, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà H là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà H là nguyên đơn, ông C là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H, ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Văn C kết hôn năm 1995, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông C do ông C và bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà H và ông C là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà H và ông C thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận ông C và bà H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các con trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông C xác định có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng bà H thuộc diện miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Tuyết H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

**2.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H tự nguyện chịu nhưng bà H thuộc diện miễn án phí theo quy định.

**3.** Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thanh Thủy**